

BÀI 5: HỆ QUẢ ĐỊA LÍ CÁC CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).
- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.
- Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Sẵn sàng giúp đỡ các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ, video...

*** Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được video địa lí để xác định được hướng chuyển động và các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất; Quỹ đạo chuyển động và các hệ quả chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được các hệ quả các chuyển động chính của Trái Đất.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết sử dụng mô hình, tranh ảnh, video,...

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy các hệ quả chuyển động của Trái Đất.

+ giải thích được ca dao tục ngữ về ngày đêm dài ngắn theo mùa.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Hình thành tình yêu thiên nhiên.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân;

- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Tích cực bảo vệ tự nhiên, bảo vệ Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: TV.

2. Học liệu: SGK, Video/clip về Trái Đất, Lược đồ các khu vực giờ trên Trái đất, Sơ đồ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và các mùa ở bán cầu Bắc, Sơ đồ độ dài ngày đêm ở các vĩ độ vào ngày 22 - 6 và ngày 22 - 12.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định:

2. Kiểm tra bài cũ:

* Câu hỏi: Phân biệt vỏ lục địa và vỏ đại dương.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS nhớ lại những kiến thức về hệ quả chuyển động của Trái Đất đã học.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS quan sát TV, sử dụng SGK, trả lời câu hỏi:

Nhà thơ Nguyễn Du đã có 2 câu thơ:

“Sen tàn cúc lại nở hoa

Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.”

GV hỏi: Trong hai câu thơ trên nhà thơ Nguyễn Du đã nhắc đến các khoảng thời gian nào trong năm? Trong khoảng thời gian đó có những đặc điểm nào?

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS (Nhà thơ Nguyễn Du đã nhắc đến mùa xuân. Mùa xuân có đặc điểm: ấm áp, thời gian ban ngày dài thêm).

d) **Tổ chức thực hiện:** GV thực hiện phương pháp động não.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS quan sát TV, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân:

Giải thích được hiện tượng thực tế dựa vào kiến thức đã được học về hệ quả chuyển động của Trái Đất.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về hệ quả địa lí chuyển động tự quay quanh trục

a) **Mục tiêu:**

- Phân tích được hệ quả địa lí chuyển động tự quay quanh trục (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất).

- Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được hệ quả địa lí chuyển động tự quay quanh trục.

b) **Nội dung:** HS quan sát hình 5.1, 5.2, sử dụng SGK để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
- Chiều tự quay: - Độ nghiêng: - Chu kì tự quay: - Vận tốc tự quay:	
a. Sự luân phiên ngày đêm - Biểu hiện: - Nguyên nhân:	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2	
b. Giờ trên Trái Đất - Giờ trên Trái Đất: + Giờ địa phương (giờ Mặt Trời): + Giờ múi: + Giờ quốc tế (giờ GMT):	
- Đường chuyển ngày quốc tế: + Quy ước đường chuyển ngày quốc tế: + Sự thay đổi ngày lịch:	

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
1. Hệ quả địa lí của chuyển động tự quay quanh trục - Chiều tự quay: từ tây sang đông. - Độ nghiêng: $66^{\circ}33'$. - Chu kì tự quay: 24 giờ. - Vận tốc tự quay: rất lớn, lớn nhất ở Xích đạo, nhỏ nhất ở hai cực. a. Sự luân phiên ngày đêm - Biểu hiện: ngày đêm luân phiên 24 giờ. - Nguyên nhân: Trái Đất có dạng khối cầu và tự quay quanh trục. b. Giờ trên Trái Đất - Giờ trên Trái Đất:

- + Giờ địa phương (giờ Mặt Trời): là giờ căn cứ vào độ cao Mặt Trời, các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau.
- + Giờ múi: chia bề mặt Trái Đất làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15 độ kinh tuyến. Các địa phương nằm trong cùng 1 múi giờ sẽ thống nhất có một giờ, đó là giờ múi.
- + Giờ quốc tế (giờ GMT): là giờ ở múi giờ số 0.
- Đường chuyển ngày quốc tế:
- + Quy ước đường chuyển ngày quốc tế: kinh tuyến 180^0 đi qua giữa TBD làm đường chuyển ngày quốc tế.
- + Sự thay đổi ngày lịch:
 - Nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180^0 thì lùi lại 1 ngày lịch.
 - Nếu đi từ phía đông sang phía tây qua kinh tuyến 180^0 thì tăng thêm 1 ngày lịch.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu HS đọc SGK, quan sát hình 5.1, 5.2, sử dụng SGK để hoàn thành phiếu học tập:

- + Nhóm 1, 3: Hoàn thành phiếu học tập số 1.
- + Nhóm 2, 4: Hoàn thành phiếu học tập số 2.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, hình 5.1, 5.2 hoàn thành yêu cầu trong 05 phút.
- + GV quan sát và trợ giúp các nhóm.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các nhóm cùng nội dung trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.
- + Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về hệ quả địa lý do chuyển động quanh Mặt Trời

a) Mục tiêu:

- Phân tích được hệ quả địa lý chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).
- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.
- Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả địa lý chuyển động quanh Mặt Trời.

b) Nội dung: HS quan sát hình 5.3, 5.4, sử dụng SGK để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
2. Hệ quả địa lý do chuyển động quanh Mặt Trời a. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau - Biểu hiện: - Nguyên nhân:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
2. Hệ quả địa lý do chuyển động quanh Mặt Trời b. Các mùa trong năm - Biểu hiện: - Nguyên nhân:

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN
2. Hệ quả địa lý do chuyển động quanh Mặt Trời a. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau - Biểu hiện: + Trong năm, các địa điểm ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam đều có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo mùa và theo vĩ độ, trừ hai ngày 21 - 3 và 23 - 9 có thời gian ngày, đêm bằng nhau. + Ở Xích đạo, quanh năm có độ dài ngày và đêm bằng nhau, càng xa Xích đạo sự chênh lệch thời gian giữa ngày và đêm càng lớn. Riêng ở hai cực có sáu tháng ngày, sáu tháng đêm. - Nguyên nhân: + Do Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời với hướng trục không thay đổi. + Hướng trục nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc khoảng $66^{\circ}33'$.

=> làm cho thời gian tiếp nhận ánh sáng mặt trời thay đổi trong năm.

b. Các mùa trong năm

- Biểu hiện:

+ Mùa là khoảng thời gian trong năm, có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.

+ Hiện tượng mùa diễn ra ngược nhau giữa bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

+ Bốn mùa biểu hiện rõ nhất ở vùng ôn đới. Vùng nhiệt đới có hai mùa nhưng không rõ rệt, vùng hàn đới chỉ có một mùa lạnh kéo dài.

- Nguyên nhân:

+ Do Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời với hướng trục không thay đổi.

+ Hướng trục nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc khoảng $66^{\circ}33'$.

=> làm cho góc chiếu của tia sáng mặt trời và thời gian tiếp nhận ánh sáng mặt trời thay đổi trong năm.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kỹ thuật làm việc nhóm.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu HS đọc SGK, quan sát hình 5.3, 5.4, sử dụng SGK để hoàn thành phiếu học tập:

+ Nhóm 1, 3: Hoàn thành phiếu học tập số 1.

+ Nhóm 2, 4: Hoàn thành phiếu học tập số 2.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, hình 5.1, 5.2 hoàn thành yêu cầu trong 05 phút.

+ GV quan sát và trợ giúp các nhóm.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các nhóm cùng nội dung trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* Câu hỏi 1: Ngày và giờ ở Mê hi cô là bao nhiêu khi Việt Nam là 7 giờ sáng ngày 01/01/2022.

* Câu hỏi 2: Hiện tượng chênh lệch độ dài ngày đêm diễn ra như thế nào ở các vùng nhiệt đới, ôn đới và hàn đới?

* Câu hỏi 3: Hãy cho biết nguyên nhân sinh ra mùa trên Trái Đất. Hiện tượng mùa khác nhau như thế nào ở các vùng nhiệt đới, ôn đới và hàn đới.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

* Câu hỏi 1: Khi Việt Nam là 7 giờ sáng ngày 01/01/2022 thì ở Mê hi cô là 18 giờ ngày 31/12/2021.

* Câu hỏi 2: Hiện tượng chênh lệch độ dài ngày đêm diễn ra ở các vùng nhiệt đới, ôn đới và hàn đới:

- Ngày 21/3 và 23/9 có thời gian ngày, đêm bằng nhau.

- Vùng nhiệt đới, ôn đới và hàn đới có sự chênh lệch độ dài ngày đêm khác nhau:

+ Vùng nhiệt đới chênh lệch độ dài ngày đêm ít hơn vùng ôn đới và hàn đới.

+ Vùng ôn đới chênh lệch độ dài ngày đêm ít hơn vùng hàn đới.

- Riêng ở hai cực có sáu tháng ngày, sáu tháng đêm.

* Câu hỏi 3:

- Nguyên nhân sinh ra mùa trên Trái Đất:

+ Do Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời với hướng trục không thay đổi.

+ Hướng trục nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc khoảng $66^{\circ}33'$.

=> làm cho góc chiếu của tia sáng mặt trời và thời gian tiếp nhận ánh sáng mặt trời thay đổi trong năm.

- Hiện tượng mùa ở các vùng nhiệt đới, ôn đới và hàn đới:

+ Bốn mùa biểu hiện rõ nhất ở vùng ôn đới.

+ Vùng nhiệt đới có hai mùa nhưng không rõ rệt.

+ Vùng hàn đới chỉ có một mùa lạnh kéo dài.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để giải thích chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học, trả lời câu hỏi:

Giải thích câu ca dao:

Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

Câu ca dao đó đúng với những khu vực nào trên Trái Đất?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

- Giải thích câu ca dao:

+ “Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng” Tháng 5 âm lịch (tháng 6 dương lịch) ở Việt Nam vào mùa hè, Việt Nam thuộc bán cầu Bắc nên mùa hè bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, phần sáng lớn hơn phần tối nên ngày dài hơn đêm.

+ Ngày tháng mười chưa cười đã tối: Tháng 10 âm lịch (tháng 11 hoặc 12 dương lịch) ở Việt Nam là mùa đông, bán cầu Bắc chếch xa so với Mặt Trời, phần sáng nhỏ hơn phần tối nên ngày ngắn hơn đêm.

- Câu ca dao đó đúng với những khu vực ở Bắc Bán Cầu.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên thực hiện phương pháp đàm thoại gợi mở.

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và nêu suy nghĩ của bản thân.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 6. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng.